TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-PT
Ngày 19-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Hồng Quế, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 149, tổ 98, khu 11, đường Trần Phú, khu dân cư Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kim Ái, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 06, đường ĐX 001, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị Tám, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 208, khu 4, đường Bùi Quốc Khánh, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lý Nhơn Kiên, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 25, đường Lò Chén, khu 4, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Thái Thị Tám.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phan Hồng Quế trình bày:

Do được người quen giới thiệu, ngày 12 tháng 12 năm 2019, bà Quế cho bà Tám vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, tiền lãi được trả vào ngày 12 tây hàng tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 12 năm 2019, bà Tám có ký tên và lăn tay vào hợp đồng. Sau khi ký tên và lăn tay, bà Quế đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bà Tám. Đối với khoản vay này, bà Tám đã trả lãi 03 lần cho bà Quế, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng; khi trả lãi hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không lập văn bản.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, bà Quế cho bà Tám vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, tiền lãi được trả vào ngày 13 tây hàng tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 01 năm 2020, bà Tám có ký tên và lăn tay vào hợp đồng. Sau khi ký tên và lăn tay, bà Quế đã giao đủ cho bà Tám số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi của khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2020, tiền vay gốc của khoản vay ngày 12 tháng 12 năm 2019 và ngày 13 tháng 01 năm 2020 thì đến nay bà Quế vẫn chưa trả cho bà Tám. Do đó, bà Quế khởi kiện yêu cầu bà Tám trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả của hai khoản vay từ tháng 4 năm 2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tạm tính là 35.000.000 đồng (20%/năm), tổng cộng là 185.000.000 đồng.

Bà Quế không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, dấu lăn tay cũng như chữ viết trong hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 12 năm 2019 và hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 01 năm 2020.

- Bị đơn bà Thái Thị Tám trình bày:

Bà Tám thừa nhận có ký tên, lăn tay vào dưới mục bên vay của Hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 12 năm 2019 và ngày 13 tháng 01 năm 2020.

Đối với khoản vay ngày 12 tháng 12 năm 2019, mặc dù hợp đồng vay thể hiện lãi suất 3%/tháng nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 15%/tháng; mặc dù ký vay 100.000.000 đồng nhưng bà Tám chỉ nhận từ bà Quế số tiền 55.000.000 đồng, còn 45.000.000 đồng bà Quế đã lấy trước tiền lãi của 03 tháng. Ngày 11 tháng 8 năm 2020, bà Tám đã bán tài sản của gia đình để trả hết khoản vay này cho bà Quế. Khi bà Tám trả tiền cho bà Quế thì hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không lập thành văn bản; bà Tám cũng không yêu cầu bà Quế giao bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 12 năm 2019 để xóa nợ.

Đối với khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2020, mặc dù hợp đồng vay thể hiện lãi suất 4%/tháng nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 15%/tháng; mặc dù ký vay 50.000.000 đồng nhưng bà Tám chỉ nhận từ bà Quế số tiền 42.500.000 đồng, còn 7.500.000 đồng bà Quế đã lấy trước tiền lãi của 01 tháng. Số tiền lãi của các tháng kế tiếp bà Tám trả cho bà Quế hàng tháng.

Hiện nay, bà Tám chỉ còn nợ bà Quế số tiền 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2020. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Quế, bà Tám chỉ đồng ý trả cho bà Quế số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 13 tháng 01 năm 2020 nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ, do bà Tám có hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu bà Quế miễn giảm khoản lãi của khoản vay

ngày 13 tháng 01 năm 2020.

Chữ viết "*Tôi đã nhận đủ 100.000.000 đồng*" tại Hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 12 năm 2019 và chữ viết "*Tôi đã nhận đủ 50.000.000 đồng*" tại Hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 01 năm 2020 không phải là của bà Tám; bà Tám không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, dấu lăn tay cũng như chữ viết trong Hợp đồng vay tiền ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Hợp đồng vay tiền ngày 13 tháng 01 năm 2020.

- *Người làm chứng ông Lý Nhơn Kiên trình bày:*

Ông Kiên và bà Tám là bạn bè, còn bà Quế là hàng xóm của ông Kiên. Ông Kiên là người giới thiệu bà Tám cho bà Quế để bà Quế cho bà Tám vay tiền. Ngày 12 tháng 12 năm 2019, ông Kiên chứng kiến bà Quế đã cho bà Tám vay số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Ngày 13 tháng 01 năm 2020, ông Kiên chứng kiến bà Quế đã cho bà Tám vay số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 4%/tháng, thời gian vay 03 tháng. Bà Tám đã nhận đủ số tiền vay từ bà Quế.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Hồng Quế là bà Vũ Thị Kim Ái thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Quế khởi kiện yêu cầu bà Tám trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tiền vay từ tháng 4 năm 2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15 tháng 10 năm 2021 (lấy tròn là 1 năm 06 tháng) với mức lãi suất 18%/năm là 40.500.000 đồng, tổng cộng là 190.500.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Hồng Quế đối với bị đơn bà Thái Thị Tám.

Buộc bà Thái Thị Tám có nghĩa vụ trả cho bà Phan Hồng Quế số tiền 185.394.600 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm đồng), trong đó gồm 145.980.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền gốc và 39.414.600 (ba mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/10/2021, bị đơn bà Thái Thị Tám kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án..

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất có ký tên và lăn tay vào Hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2019 với số tiền vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả 03 tháng và Hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020 với số tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn trả 03 tháng. Bị đơn cho rằng Hợp đồng

vay tiền ngày 12/12/2019 với mức lãi suất 3% nhưng thực là 15%/tháng, bị đơn vay 100.000.000 đồng nhưng thực tế bị đơn chỉ nhận số tiền 55.000.000 đồng, còn 45.000.000 đồng là tiền lãi của 03 tháng; còn Hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020 với lãi suất là 4% nhưng thực tế là 15%, bị đơn vay 50.000.000 đồng nhưng chỉ nhận 42.500.000 đồng, còn 7.500.000 đồng là tiền lãi 01 tháng. Đồng thời, bị đơn còn cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng của Hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020 nhưng lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, bị đơn bà Tám có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Dân. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Dân đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Dân vẫn vắng mặt không lý do chính đáng; bị đơn bà Thái Thị Tám có mặt, đề nghị Tòa án chấm dứt ủy quyền với ông Dân và tiến hành xét xử vụ án. Xét đây là ý chí tự nguyện của bị đơn, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Phan Hồng Quế khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Thái Thị Tám trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất chậm trả nợ gốc 18%/năm, chứng cứ do nguyên đơn khởi kiện là các hợp đồng vay tiền:

+ Hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2019 thể hiện nội dung bà Thái Thị Tám có vay bà Phan Hồng Quế số tiền 100.000.000 đồng thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 12/12/2019 đến ngày 22/3/2020) với lãi suất 3%/tháng.

+ Hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020 có nội dung bà Thái Thị Tám có vay bà Phan Hồng Quế số tiền 50.000.000 đồng thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 13/4/2020) với lãi suất 4%/ tháng.

Trên hai hợp đồng vay tiền trên đều có chữ viết tên, chữ ký, dấu vân tay của bà Thái Thị Tám.

Bị đơn bà Tám cho rằng Hợp đồng vay ngày 12/12/2020 thì bị đơn bà Tám có vay của bà Quế số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 15%/ tháng thời hạn 03 tháng. Bị đơn có ký tên, lăn tay vào hợp đồng nhưng thực tế bị đơn chỉ nhận của nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng còn 45.000.000 đồng thì bà Quế lấy tiền lãi 03 tháng. Đến ngày 11/8/2020, bị đơn đã trả số tiền gốc cho bà Quế việc trả nợ chỉ thỏa thuận miệng không làm giấy và không yêu cầu bà Quế giao lại bản chính vay tiền.

Còn đối với Hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020, bị đơn bà Tám thừa nhận có vay của bà Quế số tiền 50.000.000 đồng, có ký tên, lăn tay vào hợp đồng vay tiền còn thời gian vay, lãi suất như ngày 12/12/2019 nhưng thực tế bị đơn chỉ nhận của nguyên đơn số tiền 42.500.000 đồng, còn 7.500.000 bà Quế đã lấy tiền lãi số tiền lãi hàng tháng bà Tám trả cho bà Quế.

Hiện nay bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền của Hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020 là 50.000.000 đồng.

[3] Xét thấy các hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn bà Phan Hồng Quế và bị đơn bà Thái Thị Tám thể hiện trong hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng phía bị đơn thừa nhận có vay mượn và đã trả số tiền gốc lãi nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc đến thời hạn đối với 02 khoản vay tiền ngày 12/12/2019 đến ngày 12/03/2020 và ngày 13/01/2020 đến ngày 13/4/2020. Bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc nguyên đơn bà Quế khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Tâm trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về lãi suất trong thời hạn vay: Theo 02 hợp đồng vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng đối với Hợp đồng vay ngày 12/12/2019 và 4%/ tháng đối với Hợp đồng vay ngày 13/01/2020. Đối chiếu tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về lãi suất của các bên thỏa thuận không được quá 20%/ năm (tức 1,66%/tháng) nhưng 02 bên thỏa thuận trừ quy định của pháp luật và căn cứ Điều 9 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tiền lãi suất vượt quá không có hiệu lực, số tiền lãi trả vượt quá mức lãi suất quy định được khấu trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi.

Đối với Hợp đồng vay ngày 12/12/2019: Nguyên đơn thừa nhận trong thời gian vay 03 tháng bà Quế trả tiền lãi đầy đủ là 6.000.000 đồng. Việc bà Quế trình bày là không đúng bởi vì theo thỏa thuận các bên thì bà Tám phải trả lãi 03 tháng là 9.000.000 đồng chứ không phải là 6.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi thực tế nguyên đơn đã nhận của bị đơn là 9.000.000 đồng về tiền lãi bị đơn bà Tám phải trả cho nguyên đơn theo quy định 100.000.000 x 1,66% x 03 tháng = 4.980.000 đồng. Tiền lãi bị đơn trả cho nguyên đơn vượt quá mức lãi suất quy định là: 9.000.000 đồng - 4.980.000 đồng = 4.020.000 đồng được trừ vào tiền nợ gốc 100.000.000 đồng tại thời điểm trả lãi ngày 12/3/2020. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 13/01/2020, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong thời gian vay nên không xem xét.

Như vậy đối với khoản vay ngày 12/12/2019 đến ngày 12/3/2020, bà Tám còn nợ vay bà Quế số tiền gốc 95.980.000 đồng (100.000.000 đồng - 4.020.000 đồng). Đối với khoản vay ngày 13/01/2020 đến ngày 13/4/2020 bị đơn nợ số tiền gốc: 50.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản vay là 145.980.000 đồng.

[6] Về lãi suất chậm trả nợ gốc: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ bị đơn ngoài việc trả số tiền gốc bị đơn bà Tám phải trả lãi chậm tiền vay gốc từ tháng 4 năm 2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (nguyên đơn yêu cầu 01 năm 06 tháng) với mức lãi suất 15%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận số tiền: 145.980.000 đồng x 18%/năm x 01 năm 06 tháng= 39.414.000 đồng.

[7] Xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là: 145.980.000 đồng và tiền lãi chậm trả nợ gốc là 39.414.000 đồng. Tổng cộng: 185.394.000 đồng.

[8] Bị đơn bà Thái Thị Tám cho rằng số tiền vay ngày 12/12/2019 là bà vay bà Quế 100.000.000 đồng nhưng bị đơn chỉ nhận số tiền 55.000.000 đồng; còn số tiền ngày 13/01/2020, bị đơn vay 50.000.000 đồng nhưng bị đơn chỉ nhận số tiền 42.500.000 đồng lãi suất 15%/tháng. Bị đơn cho rằng trả hết tiền vay 100.000.000 đồng chỉ còn khoản vay ngày 13/01/2020 và bà Tám còn nợ 50.000.000 đồng. Nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc trình bày của bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[10] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Thái Thị Tám.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Thái Thị Tám phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000565 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng